

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2026/DS-ST

Ngày: 07-7-2026.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình;

2. Ông Lê Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2026/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M (Tên mới: Công ty Cổ phần J, theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 05/5/2026). Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B, phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền nam.

Người được ông D ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tấn Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt).

2. Ngân hàng TMCP V (V1). Địa chỉ: Số H đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Ngô Chí D1](#) - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Hà Xuân S](#) - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân 6.

Người được ông [S](#) ủy quyền lại: Ông [Cao Mạnh Gia B](#) - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt).

- Bị đơn: Chị [Hồ Thị Bích T1](#), sinh năm: 1987 và anh [Huỳnh Văn G](#), sinh năm: 1980. Địa chỉ: [ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh](#). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V \(V1\)](#) trình bày: [Ngân hàng TMCP V](#) (gọi tắt là [Ngân hàng V1](#)) yêu cầu chị [T1](#) và anh [G](#) trả 10% giá trị hợp đồng tín dụng tổng cộng số tiền 44.951.438 đồng (Trong đó: nợ gốc 26.897.449 đồng và lãi trong hạn, quá hạn tính từ ngày 05/4/2024 đến ngày 02/6/2026 là 18.053.989 đồng) và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ.

Ngày 02/7/2021, [Ngân hàng V1](#) với anh [G](#) và chị [T1](#) ký Hợp đồng cho vay số: LN2106283931137, số tiền vay 850.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay mua 02 xe tải, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/ năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất vay trong hạn, để bảo đảm khoản nợ vay hai bên ký kết Hợp đồng thế chấp số: LN2106283931137, ngày 02/7/2021, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô: biển số 70C-16869 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005218 và biển số 70C-16913 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên. Hình thức trả nợ là trả nợ gốc và trả lãi hàng tháng (vào ngày 05 hàng tháng).

Đi vào thực hiện hợp đồng, chị [T1](#) và anh [G](#) đã trả cho [Ngân hàng V1](#) nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/4/2024 với số tiền 676.956.885 đồng thì ngưng không trả nữa. Đến ngày 26/02/2025 [Ngân hàng V1](#) tiến hành thủ tục bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô biển số 70C-16869 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005218 với số tiền 152.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí đấu giá thì còn lại số tiền 127.681.512 đồng [Ngân hàng V1](#) khấu trừ vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại tính đến ngày 04/4/2025 là 268.974.488 đồng. Sau đó [Ngân hàng V1](#) có nhắc nhở, đôn đốc và tạo điều kiện nhiều lần nhưng anh [G](#) và chị [T1](#) không trả.

Đến ngày 28/02/2025 [Ngân hàng V1](#) có thỏa thuận bán nợ cho [Công ty Cổ phần J](#) 90% giá trị hợp đồng. Do chị [T1](#) và anh [G](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên [Ngân hàng V1](#) khởi kiện yêu cầu chị [T1](#) và anh [G](#) phải trả ngay cho [Ngân hàng V1](#) 10% giá trị hợp đồng với số tiền nêu trên. Đồng thời xử lý tài sản thế chấp còn lại là chiếc xe ô tô biển số 70C-16913 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên giấy chứng nhận đăng ký để thu hồi nợ.

Tại phiên toà, [Ngân hàng V1](#) đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền bán đấu giá là 152.000.000 đồng vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 244.656.000 đồng. Do đó, [Ngân hàng V1](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh [G](#) và chị [T1](#) trả 10 % nợ gốc 24.465.600 đồng và lãi trong hạn, quá hạn theo quy định. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn [Công ty Cổ phần J](#) trình bày: [Công ty Cổ phần J](#) yêu cầu chị [T1](#) và anh [G](#) trả 90% giá trị hợp đồng tín dụng tổng cộng số tiền 404.562.941 đồng (Trong đó: nợ gốc 242.077.039 đồng và lãi trong hạn, quá hạn tạm tính từ ngày 05/4/2024 đến ngày 02/6/2026 là 162.485.902 đồng) và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ.

Ngày 28/02/2025 [Ngân hàng V1](#) có bán nợ cho [Công ty Cổ phần J](#) 90% giá trị hợp đồng. Sau khi mua nợ thì Công ty có liên hệ nhưng chị [T1](#) và anh [G](#) vẫn không trả nên Công ty khởi kiện yêu cầu chị [T1](#) và anh [G](#) trả nợ gốc và lãi nêu trên, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp còn lại là chiếc xe ô tô biển số 70C-16913 để thu hồi nợ cho Công ty.

Tại phiên toà, [Công ty Cổ phần J](#) thống nhất [Ngân hàng V1](#) khấu trừ toàn bộ số tiền bán đấu giá là 152.000.000 đồng vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 244.656.000 đồng. Do đó, [Công ty Cổ phần J](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh [G](#) và chị [T1](#) trả 90% nợ gốc 220.190.400 đồng và lãi trong hạn, quá hạn theo quy định. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) trình bày: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh [G](#) và chị [T1](#) vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối đối với yêu cầu của [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#).

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng anh [G](#) và chị [T1](#) không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 275, 357, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#). Buộc anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) phải trả cho [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) có quyền

đề nghị xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 70C-16913 giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

+ Về án phí: anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) yêu cầu anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) trả nợ gốc và lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/7/2026 và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, [Ngân hàng V1](#) cung cấp Hợp đồng cho vay số: LN2106283931137 ngày 02/7/2021 và [Công ty Cổ phần J](#) cung cấp Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025 và phụ lục 01 kèm theo hợp đồng.

[3.2] Ngược lại, anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hò Thị Bích T1](#) đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập, tiếp cận tài liệu chứng cứ và nội dung những vấn đề cần hòa giải trong các thông báo hòa giải nhưng anh [G](#) và chị [T1](#) không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, anh [G](#) và chị [T1](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#).

[3.3] Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định việc anh [G](#) và chị [T1](#) vay [Ngân hàng V1](#) là có thật và việc mua bán nợ giữa [Ngân hàng V1](#) với [Công ty Cổ phần J](#) là đúng quy định nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty là có căn cứ.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp số: LN2106283931137, ngày 02/7/2021, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô: biển số 70C-16869 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005218 và biển số 70C-16913 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Xét thấy, hợp đồng thế chấp đã được thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

[4.1] Khi anh [G](#) và chị [T1](#) vi phạm nghĩa vụ, [Ngân hàng V1](#) đã tiến hành xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 70C-16869 với số tiền 152.000.000 đồng. Tuy nhiên [Ngân hàng V1](#) cho rằng trừ các khoản chi phí đầu giá chỉ còn lại số tiền 127.681.512 đồng nhưng [Ngân hàng V1](#) không có chứng cứ gì chứng minh. Tại phiên toà Ngân hàng và [Công ty Đ1](#) khấu trừ toàn bộ số tiền 152.000.000 đồng vào nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại là 244.656.000 đồng, cần buộc anh [G](#) và chị [T1](#) có nghĩa vụ trả cho [Ngân hàng V1](#) 10% giá trị hợp đồng (nợ gốc 24.465.600 đồng, lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 07/7/2026 là 18.412.241 đồng) và [Công ty Cổ phần J](#) 90% giá trị hợp đồng (nợ gốc 220.190.400 đồng, lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 07/7/2026 là 165.710.173 đồng) và lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.2] Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 70C-16913 giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên tiếp tục được đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 02/7/2021 mà [Ngân hàng V1](#) và anh [G](#), chị [T1](#) đã ký kết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V1](#) và [Công ty Cổ phần J](#) nên anh [G](#) và chị [T1](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty Cổ phần J](#) về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hồ Thị Bích T1](#).

Buộc anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hồ Thị Bích T1](#) có nghĩa vụ trả cho [Ngân hàng TMCP V](#) 10% giá trị hợp đồng là 42.877.841 (bốn mươi hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi một) đồng. Trong đó, nợ gốc 24.465.600 (hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng; lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/7/2026 là 18.412.241 (mười tám triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm bốn mươi một) đồng.

Buộc anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hồ Thị Bích T1](#) có nghĩa vụ trả cho [Công ty Cổ phần J](#) 90% giá trị hợp đồng là 385.900.573 (ba trăm tám mươi lăm triệu chín trăm nghìn năm trăm bảy mươi ba) đồng. Trong đó, nợ gốc 220.190.400 (hai trăm hai mươi triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm) đồng; lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/7/2026 là 165.710.173 (một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn một trăm bảy mươi ba) đồng.

Anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hồ Thị Bích T1](#) phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền dư nợ kể từ sau ngày xét xử (08/7/2026) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 70C-16913 theo giấy chứng nhận đăng ký 70005215 do chị [T1](#) đứng tên, tiếp tục được đảm bảo để trả nợ cho [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty Cổ phần J](#) theo Hợp đồng thế chấp số: LN2106283931137, ngày 02/7/2021.

2. Án phí:

- Buộc Anh [Huỳnh Văn G](#) và chị [Hồ Thị Bích T1](#) phải chịu 21.151.000 (hai mươi một triệu một trăm năm mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho [Ngân hàng TMCP V](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.013.000 (một triệu không trăm mười ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005882 ngày 24-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho [Công ty Cổ phần J](#) (tên cũ: [Công ty Cổ phần M](#)) tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.549.000 (tám triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005885 ngày 24-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12-TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui